

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

l số: 42/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 21 - 12 - 2022

V/v tranh chấp “hôn nhân
và gia đình, ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Cương;

2. Bà Lê Kim Chi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Thanh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: không tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp “Hôn nhân và gia đình, ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2022/QĐXXST-HN ngày 18 tháng 10 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2022/QĐST-HN ngày 07/11/2022, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1984, nơi cư trú: số nhà D, tổ A, ấp T, xã V, huyện T, tỉnh An Giang, vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Tsai Ming K, sinh năm 1973, nơi cư trú: số E, đoạn 1, lộ C, khóm A, thôn T, làng H, huyện C, Đài Loan, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà và ông Tsai Ming K tự nguyện tìm hiểu tiến đến hôn nhân vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh An Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 38 ngày 08/4/2019. Sau khi kết hôn, bà H và ông T Ming Kai chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn, sau đó ông Tsai Ming K về Đài Loan sống và từ đó vợ chồng ít

gặp mặt nhau, không còn quan tâm, chăm sóc và yêu thương nhau, dần dần tình cảm không còn, bà H khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Tsai Ming K.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Tsai Ming K đã được Tòa án làm thủ tục ủy thác tư pháp tổng đạt Thông báo thụ lý và Lịch làm việc của Tòa án. Cơ quan của thẩm quyền Lãnh thổ Đài Loan đã thực hiện việc ủy thác nêu trên vào ngày 07/10/2022 bằng phương thức tổng đạt trực tiếp cho đương sự, nhưng ông Tsai Ming K không đến Tòa án và cũng không có ý kiến gửi cho Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

Tòa án không tiến hành được phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và không tiến hành hòa giải được giữa các đương sự do bà H không yêu cầu hòa giải và ông Tsai Ming K vắng mặt.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt đến lần thứ hai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được kiểm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn cư trú tại huyện T, tỉnh An Giang, bị đơn cư trú tại Đài Loan. Nguyên đơn khởi kiện ly hôn, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm d khoản 1 Điều 469; Điều 470 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ghi ngày 27/6/2022; bị đơn đã được Tòa án làm thủ tục ủy thác tư pháp tổng đạt Thông báo thụ lý và Lịch xét xử của Tòa án và đã có kết quả ủy thác của Cơ quan có thẩm quyền của Lãnh thổ Đài Loan đã thực hiện việc ủy thác nêu trên vào ngày 07/10/2022 bằng phương thức tổng đạt trực tiếp, nhưng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

Bà Nguyễn Thị H và ông T Ming Kai có quan hệ hôn nhân theo Giấy chứng nhận kết hôn số 38 ngày 08-4-2019 của Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh An Giang nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai của nguyên đơn, mâu thuẫn phát sinh sau khi kết hôn do ông T Ming Kai trở lại Đài Loan, từ đó vợ chồng ít gặp mặt nhau, không còn quan tâm, chăm sóc và yêu thương nhau, dần dần tình cảm

không còn. Về phía bị đơn không có ý kiến về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Xét thấy, vợ chồng không còn chung sống trong thời gian dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà H yêu cầu ly hôn Tsai Ming Kai là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

Giấy chứng nhận kết hôn số 38 ngày 08/4/2019 của Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về con chung: Không có.

[4] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, buộc nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

[6] Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị H phải chịu lệ phí ủy thác tư pháp, được khấu trừ tạm ứng đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 153; Điều 273; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn của Nguyễn Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn ông Tsai Ming K.

Giấy chứng nhận kết hôn số 38 ngày 08/4/2019 của Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000148 ngày 24/6/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Bà H đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Về lệ phí ủy thác tư pháp: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng chi phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000097 ngày 27/6/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Bà H đã nộp đủ lệ phí ủy thác tư pháp.

Thời hạn kháng cáo của bà Nguyễn Thị H 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Thời hạn kháng cáo của ông T Ming Kai là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh An Giang ;
- Cục THA dân sự tỉnh An

Giang;

- Ủy ban nhân dân huyện Thoại

Sơn;

- Tòa Gia đình và NCTN;
- Phòng KTNV và THA;
- Văn phòng;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒ.**

Huỳnh Thanh Tâm